

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2015-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2020-2025.

Kính thưa quý vị đại biểu,

Thưa các quý vị cổ đông của Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh,

Thưa toàn thể Đại hội,

Trước tiên, tôi xin thay mặt Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh trân trọng chào mừng các quý cổ đông đã về dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty và rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp xây dựng để Công ty được củng cố và phát triển. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin báo cáo với Đại hội các nội dung như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2015-2020:

1. Tình hình nhân sự:

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) được ĐHCĐ thường niên năm 2015 ngày 07/6/2015 bầu ra 5 thành viên. Trong nhiệm kỳ, thành viên HĐQT có biến động và hiện nay HĐQT, gồm có những thành viên sau:

- 1- Ông Nguyễn Chí Bính – Chủ tịch HĐQT.
- 2- Ông Từ Trung Đan – thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
- 3- Ông Đỗ Thành Lâm – thành viên HĐQT.
- 4- Bà Lê Thị Phương Hảo – thành viên HĐQT.
- 5- Ông Phan Xuân Hiến – thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.

Trong đó, có 02 thành viên kiêm nhiệm và 03 thành viên không điều hành.

2. Tình hình hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020:

2.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2015-2020:

Trong nhiệm kỳ 2015-2020 HĐQT đã tiến hành họp 54 phiên.

Trong đó, năm 2019 HĐQT họp định kỳ và đột xuất để ban hành các quyết định cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các quyết định quan trọng đã được thông qua như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	14/01/2019	<p>Thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kinh doanh BCTC hợp nhất. - Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ - Đơn giá tiền lương năm 2018 - Xử lý kiểm kê năm 2018 - Thực hiện thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2018 và kế hoạch năm 2019 - Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2019 - Duyệt đơn giá tiền lương năm 2019 - Chấp thuận chủ trương mua 01 xe Ford Transit SVP LIMOUSINE S1 - Ủy quyền cho BDH chọn thời điểm chi trả cổ tức năm 2018
2	02/NQ-HĐQT	08/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua danh sách nhân sự tham gia ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019–2022 của CTCP Giáo dục An Đông. - Thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên 2019 của Công ty là 24/4/2019.
3	01/QĐ-HĐQT	22/4/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy quyền đại diện phân vốn của Công ty tại CTCP Giáo dục An Đông.
4	03A/NQ-HĐQT	24/4/2019	<p>Bầu chọn Ông Nguyễn Chí Bình giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015 – 2020.</p>
5	03/NQ-HĐQT	24/6/2019	<p>Thông qua việc chọn Cty TNHH kiểm toán và Kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	04/NQ-HĐQT	26/6/2019	Thông qua các nội dung sau: - Báo cáo kết quả kinh doanh ước thực hiện Quý II/2019 - Kế hoạch kinh doanh Quý III/2019 - Tạm duyệt đơn giá tiền lương 06 tháng đầu năm 2019.
7	05/NQ-HĐQT	15/8/2019	Thông qua các nội dung sau: - Thống nhất chủ trương mua 01 xe vận tải ISUZU NMH85HE4. - Giao Ban TGD Công ty tổ chức thực hiện nội dung trên theo đúng quy định hiện hành.
8	06/NQ-HĐQT	01/10/2019	Thông qua các nội dung sau: - Kết quả kinh doanh ước thực hiện Quý III/2019. - Kế hoạch kinh doanh Quý IV/2019.
9	07/NQ-HĐQT	23/12/2019	Thông qua các nội dung sau: - Kết quả kinh doanh 11 tháng năm 2019. - Giao Ban điều hành phần đầu hoàn thành kế hoạch năm 2019. - Nhất trí chủ trương thành lập phòng bán lẻ. - Tạm ứng cổ tức năm 2019 là 13%. Ủy quyền cho Ban điều hành thực hiện các thủ tục theo đúng quy định.

2.2 Đánh giá chung việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành:

Đánh giá tổng thể việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành (BDH) trong nhiệm kỳ 2015-2020 như sau:

- Ổn định bộ máy tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định hiện hành.
- Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

- HĐQT, BĐH linh hoạt, quyết liệt trong định hướng hoạt động của đơn vị phù hợp với diễn biến của thị trường, chính sách ngành. Chủ trương, quan điểm chỉ đạo xác định hàng năm và HĐQT, BĐH bám sát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- HĐQT đã phân công, phân nhiệm đến từng thành viên. Duy trì chế độ họp định kỳ. Hoạch hợp đột xuất khi có công việc phát sinh cần giải quyết.

Trong nhiệm kỳ, HĐQT và BĐH đã nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao. Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng định hướng đã đề ra của nhiệm kỳ 2015-2020.

3. Kết quả đạt được của nhiệm kỳ 2015-2020:

3.1 Quy mô vốn:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	So sánh 2019/2015
1. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	56,655	56,655	56,655	56,655	56,655	100%
2. Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	104,645	106,554	109,155	114,037	118,252	113%
3. Tổng tài sản	Tỷ đồng	142,007	144,603	148,385	155,302	159,312	112,19%

3.2 Kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	So sánh 2019/2015
1. Doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	297,509	336,829	373,799	386,728	411,393	138,28%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,028	14,732	15,968	19,063	17,750	110,75%
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,976	13,089	14,313	17,090	15,886	113,66%
4. Cổ tức	%	13%	13%	13%	13%	13%	100%

3.3 Đầu tư:

Báo cáo tài chính năm 2019, các công ty hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mà công ty đã đầu tư vốn đều hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế:

Tên công ty	Đến 31/12/2018			Đến 31/12/2019		
	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
CTCP Giáo Dục An Đông	276.000	2.760	52,77	276.000	2.760	52,77
CTCP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	49.000	490	4,77	49.000	490	4,77

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2020-2025:

1. Bối cảnh và đặc điểm tình hình:

Tình hình kinh tế năm 2020 dự đoán nhiều khó khăn do tình hình dịch viêm phổi cấp do chủng vi rút corona gây ra kéo dài và diễn biến ngày càng phức tạp. Ngoài ra, năm học 2020-2021 là năm đầu tiên áp dụng một chương trình nhiều bộ sách nên đây vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với công ty trong việc sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục.

2. Định hướng kế hoạch:

1. Tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức của công ty.

2. Tập trung chuẩn bị nguồn lực về tài chính để đầu tư nhà xưởng tại Bình Dương, trang bị máy móc thiết bị, đào tạo nhân sự để triển khai việc sản xuất và cung ứng thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

3. Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện quy chế trả lương, trả thưởng cho Người lao động.

Chỉ đạo việc thực hiện các chính sách đãi ngộ kịp thời, hợp lý để khuyến khích, tạo động lực cho Người lao động làm việc tích cực, hiệu quả.

4. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh của công ty và tại các đơn vị công ty đầu tư, góp vốn.

5. Khai thác, sử dụng các mặt bằng của công ty hiệu quả, hợp lý.

6. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

6.1. Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính : đồng.

CHỈ TIÊU	NĂM 2020
1. Doanh thu, thu nhập	397.000.000.000
2. Lợi nhuận trước thuế	17.500.000.000
3. Tỷ lệ chi trả cổ tức 13%/mệnh giá, tức 1.300 đồng/ cổ phiếu.	

6.2. Chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2020:

Tương tự năm 2019, khoản thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký từ 3% đến 5% lợi nhuận sau thuế theo tạm tính, tùy theo mức độ hiệu quả đạt được. Đây là khoản tạm tính làm cơ sở để tính chi phí hợp lý hợp lệ trong năm của Công ty và sau đó xác định lại kết quả kinh doanh cuối cùng.

6.3. Chọn kiểm toán năm 2020:

Trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào trình độ, năng lực của đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu

chuẩn kiểm toán các công ty niêm yết do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận; chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

6.4. Duyệt đơn giá tiền lương năm 2020:

Trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty duyệt đơn giá tiền lương của công ty mẹ năm 2020: đảm bảo các chỉ tiêu về lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức và không thấp hơn đơn giá tiền lương của năm 2019.

Trên đây là báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2015-2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh và định hướng hoạt động nhiệm kỳ năm 2020-2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chí Bình

CHỈ TIÊU	NĂM 2020
1. Doanh thu thuần nhập	397.000.000.000
2. Lợi nhuận trước thuế	17.300.000.000
3. Tỷ lệ chi trả cổ tức 13%/mệnh giá, tức 1.300 đồng/cổ phiếu	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020.

A. Phần thứ nhất.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2019.

I/ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Thuận lợi:

- Năm 2019, là năm nền kinh tế Việt Nam tiếp tục khởi sắc với tăng trưởng GDP đạt mức cao, tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, sức cầu trong nước và tiêu dùng tăng.

- Công ty được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam, cùng với sự chỉ đạo của HĐQT trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tập thể lao động đoàn kết, gắn bó cùng nỗ lực hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

2- Khó khăn:

- Năm 2019 là năm bản lề chuẩn bị cho việc thực hiện một chương trình nhiều bộ sách và năm học 2020-2021 sẽ thực hiện cuốn chiếu từ Lớp 1. Vì vậy, việc sản xuất kinh doanh những mặt hàng của các lớp đầu cấp khó dự trù.

- Sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường về những sản phẩm về đồ gỗ, hàng mẫu giáo về mẫu mã, giá cả.

Bên cạnh đó, chi phí thuê đất tại trụ sở chính 223 Nguyễn Tri Phương, phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh tăng do đơn giá mới tăng 307% so với đơn giá cũ. Vì vậy, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận trước thuế của công ty.

II/ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

1. Công tác phát hành:

STT	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện năm		So sánh	
				Năm 2019	Năm 2018	TH/KH (%)	TH/CK (%)
1	Sách giáo khoa	Bản	11.761.645	11.951.314	11.602.072	101,61%	103,01%
2	Sách bổ trợ	Bản	5.786.712	5.621.851	5.726.234	97,15%	98,18%
3	Sách tham khảo	Bản	1.800.000	1.731.699	1.737.688	96,21%	99,66%
	CỘNG		19.348.357	19.304.864	19.065.994	99,78%	101,25%
4	Thiết bị giáo dục	triệu đồng	174.900	176.676	175.896	101,02%	100,44%

2. Đầu tư vốn:

Đến thời điểm 31/12/2019 các công ty hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mà công ty đầu tư vốn đều hoạt động kinh doanh có lãi, cụ thể:

Tên công ty	Đến 31/12/2018			Đến 31/12/2019		
	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty CP Giáo Dục An Đông	276.000	2.760	52,77	276.000	2.760	52,77
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bán Giáo Dục Gia Định	49.000	490	4,77	49.000	490	4,77

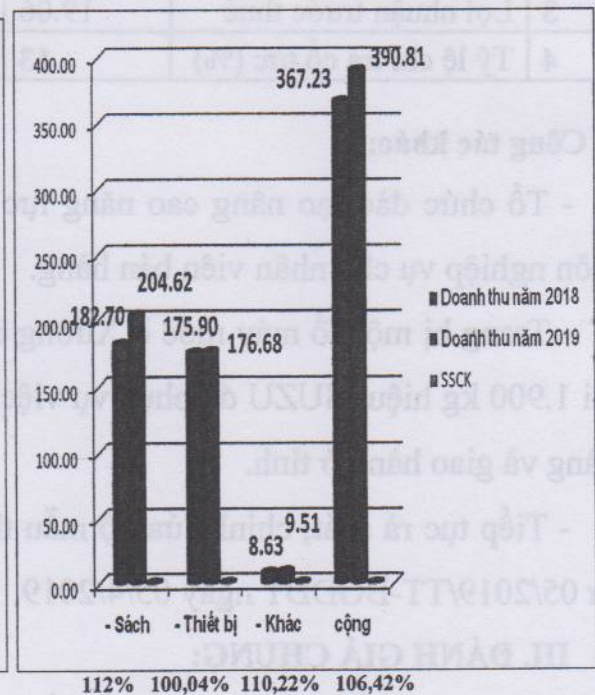
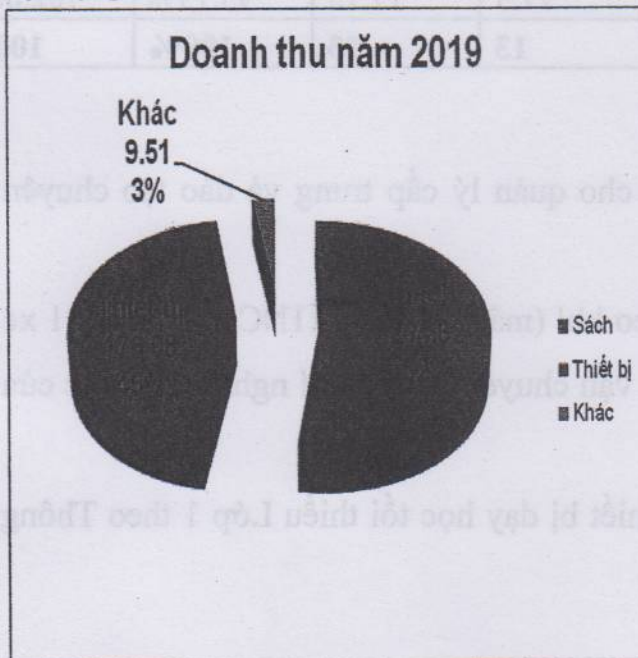
3. Kết quả hoạt kinh doanh năm 2019:

3.1 Kết quả kinh doanh năm 2019 của công ty mẹ:

ĐVT: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019		
				Thực hiện	% TH 2019 / 2018	% TH 2019/ KH 2019
1	Doanh thu, thu nhập	367,23	338,30	390,81	106,42%	115,52%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Sách	182,70	155,80	204,62	112,00%	131,34%
	- Thiết bị	175,90	174,90	176,68	100,44%	101,02%
	- Khác	8,63	7,60	9,51	110,22%	125,16%
2	Chi phí	349,07	321,38	373,72	107,06%	116,29%
3	Lợi nhuận trước thuế	18,16	16,92	17,09	94,08%	100,96%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	13	13	13	100%	100%

Trong đó:
Tỷ trọng



3.2 Kết quả kinh doanh năm 2019 của công ty CP Giáo Dục An Đông (công ty con):

ĐVT: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019		
				Thực hiện	% TH 2019 / 2018	% TH 2019/ KH 2019
1	Doanh thu, thu nhập	25.1	23.4	26.31	104,82%	112.45%
2	Chi phí	23.82	22.4	25.29	106,17%	112.93%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.28	1	1.02	79,69%	101.83%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	15	15	15	100%	100.00%

3.3 Kết quả kinh doanh năm hợp nhất năm 2019:

ĐVT: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019		
				Thực hiện	% TH 2019 / 2018	% TH 2019/ KH 2019
1	Doanh thu, thu nhập	386.73	356	411.39	106.38%	115.56%
2	Chi phí	367.67	338.7	393.64	107.06%	116.22%
3	Lợi nhuận trước thuế	19.06	17.3	17.75	93.13%	102.60%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	13	13	13	100%	100%

4. Công tác khác:

- Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cho quản lý cấp trung và đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên bán hàng.

- Trang bị một số máy móc ở Xưởng cơ khí (máy cắt FA-111NC ...), mua 01 xe tải 1.900 kg hiệu ISUZU để phục vụ việc vận chuyển hàng từ xí nghiệp đến các cửa hàng và giao hàng ở tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa bộ mẫu thiết bị dạy học tối thiểu Lớp 1 theo Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

- Công ty đã tổ chức thực hiện tốt kết quả kinh doanh năm 2019. Để đạt được kết quả trên là sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và Người lao động trong công ty. Sự quan tâm, hỗ trợ

của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam và sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị, Ban điều hành của công ty.

- Công tác tài chính: rõ ràng, minh bạch. Tỷ lệ thu hồi nợ 92,63%, chi phí lãi vay giảm...

- Công tác tổ chức: ổn định. Các chế độ, chính sách cho Người lao động được Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty quan tâm thực hiện tốt: thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên tăng so với cùng kỳ.

- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng tham gia các công tác xã hội, từ thiện với số tiền: 645.090.489 đồng.

B. Phần thứ hai.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Củng cố và phát triển sản xuất:

- Tăng cường rà soát và cải tiến chất lượng, mẫu mã sản phẩm công ty sản xuất. Hoàn thiện các sản phẩm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 để kịp thời cung ứng ra thị trường.

- Trang bị máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng, hoàn thiện quy trình sản xuất.

2. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và cán bộ quản lý là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt.

3. Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy trình làm việc ở các bộ phận.

4. Sửa chữa, chỉnh trang lại cửa hàng, đa dạng hóa các sản phẩm....tăng cường công tác bán lẻ tại các cửa hàng của công ty.

5. Thường xuyên rà soát, củng cố, ổn định tổ chức.

6. Hoàn thiện việc khoán lương đối với bộ phận kinh doanh và khối gián tiếp. Có chính sách đãi ngộ kịp thời, hợp lý để khuyến khích, tạo động lực cho Người lao động làm việc tích cực, hiệu quả.

7. Thực hành tiết kiệm trong toàn công ty. Tiết kiệm chi phí, sử dụng vốn hiệu quả, bảo toàn vốn.

8. Sắp xếp bố trí kho bãi hợp lý. Thực hiện bảo quản, đóng gói sản phẩm, sắp xếp hàng hóa trong kho hợp lý để đảm bảo việc giao hàng nhanh chóng, tránh hư hỏng, thất thoát.

9. Tiếp tục rà soát và thực hiện những công việc cần thiết nhằm sử dụng hợp lý, hiệu quả các mặt bằng sản xuất kinh doanh của công ty.

- CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CỤ THỂ:

Trước tình hình dịch viêm phổi cấp do chủng vi rút corona khởi phát tại Trung Quốc đã lây lan sang hơn 200 quốc gia có người mắc bệnh trong đó có Việt Nam. Tình hình dịch bệnh kéo dài và diễn biến ngày càng phức tạp gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Công ty là đơn vị cung ứng các sản phẩm giáo dục cho trường học, học sinh...việc học sinh chưa thể đến trường, kéo dài thời gian kết thúc năm học đồng nghĩa kéo dài thời gian nhập học sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, do dịch bệnh lây lan cho nên tâm lý người dân ngại ra đường và tụ tập nơi đông người nên tình hình kinh doanh của đơn vị mấy tháng đầu năm sụt giảm. Ngoài ra, dự đoán khi kết thúc dịch bệnh nền kinh tế sẽ cần có thời gian để dần hồi phục.

Chính vì những lý do trên, công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 cho phù hợp với tình hình thực tế. Cụ thể:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: tỷ đồng Kế hoạch năm 2020
1	Doanh thu, thu nhập	397
2	Chi phí	379,5
3	Lợi nhuận trước thuế	17,5
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	13%



Từ Trung Đan

Tp. HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH NĂM 2019

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sách – TBTH TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2019;

Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động năm 2019 trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh theo những nội dung sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán và các văn bản pháp quy có liên quan; kiểm tra giám sát việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 của Công ty, cụ thể là:

- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát nội dung, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy định về công tác quản trị doanh nghiệp;
- Kiểm tra giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Các hoạt động khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát được nhận đầy đủ các thông tin và các văn bản quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty do HĐQT và Ban Tổng Giám đốc ban hành, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giám sát thực hiện các nghị quyết của HĐQT và hoạt động của Ban điều hành Công ty.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong thời gian qua được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Kết quả kiểm soát tình hình hoạt động và tài chính của công ty :

2.1. Kiểm soát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban điều hành :

Năm 2019 đến nay, Ban kiểm soát đã được HĐQT mời tham dự 9 cuộc họp và thực tế tham dự được 9 cuộc.

- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty;
- Các Biên bản họp HĐQT phản ánh đúng nội dung cuộc họp, ý kiến của các thành viên và được lập theo quy định;

- Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng trình tự, thủ tục, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông;

- Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị tập trung vào việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2019, chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc;

- Các quyết định của Ban Tổng Giám đốc về điều hành hoạt động phù hợp với tình hình thực tế về tổ chức, quản lý của Công ty;

- Ban Tổng Giám đốc tuân thủ các Nghị quyết của HĐQT, chủ động báo cáo và nêu các kiến nghị trình HĐQT phê duyệt làm cơ sở thực hiện, tổ chức điều hành Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

Căn cứ kết quả kiểm tra, thẩm định, Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2019 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

2.2. Thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 :

- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Ban Kiểm soát đã phối hợp làm việc và nhất trí Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Kế Toán AAC.

Tình hình tài chính của Công ty năm 2019

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019
A	TÀI SẢN	
I.	Tài sản ngắn hạn	110.465.439.096
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	35.319.126.202
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.409.278.581
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	34.538.026.034
4	Hàng tồn kho	36.750.134.293
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.448.873.986
II.	Tài sản dài hạn	48.846.910.944
1	Các khoản phải thu dài hạn	12.000.000
2	Tài sản cố định	37.336.175.660
3	Bất động sản đầu tư	0
4	Tài sản dở dang dài hạn	400.000.000
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	490.000.000
6	Tài sản dài hạn khác	10.608.735.284
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	159.312.350.400

B	NGUỒN VỐN	
I	Nợ phải trả	41.060.056.258
1	Nợ ngắn hạn	41.038.056.258
2	Nợ dài hạn	22.000.000
II	Vốn chủ sở hữu	118.252.293.782
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	56.655.300.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	13.761.696.224
3	Vốn khác của chủ sở hữu	6.538.767.315
4	Quỹ đầu tư phát triển	30.641.162.779
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.758.986.977
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	2.896.380.487
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	159.312.350.040

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019
1.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.833.236.902
2	Giá vốn hàng bán	319.582.279.250
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.250.957.652
4	Doanh thu hoạt động tài chính	838.405.787
5	Chi phí tài chính	561.634.250
6	Chi phí bán hàng	32.329.104.347
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.164.440.978
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17.034.183.864
9	Thu nhập khác	720.913.812
10	Chi phí khác	4.695.661
11	Lợi nhuận khác	716.218.151
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.750.402.015
13	Lợi nhuận sau thuế	15.886.003.701

Ý kiến thẩm định: Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2019, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

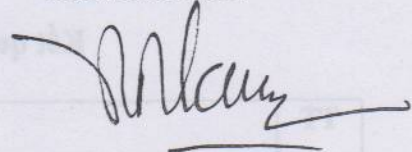
3. Nhận xét chung hoạt động của Ban Kiểm soát :

- Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sách và TBTH TP.HCM qui định và những điều khoản ghi trong Luật doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát có sự nỗ lực của bản thân mỗi thành viên và cũng nhờ sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban, toàn thể CB.CNV Công ty cổ phần Sách và TBTH TP.HCM.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm vừa qua đã giúp Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc của mình.

Trân trọng kính chào.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



LÊ PHƯƠNG MAI



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 158/2020/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 03/03/2020 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

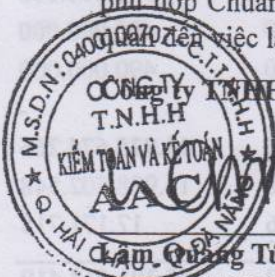
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

ĐÀ NẴNG

Đạm Quỳnh Tú - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Phạm Thị Tươi - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3669-2016-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402 Trang 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.465.439.096	103.603.971.637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	35.319.126.202	22.409.903.318
1. Tiền	111		11.643.704.337	7.216.279.894
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.675.421.865	15.193.623.424
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.409.278.581	2.282.375.309
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	2.409.278.581	2.282.375.309
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.538.026.034	40.999.508.678
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	34.005.285.999	40.453.502.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	367.473.100	165.925.010
3. Các khoản phải thu khác	136	9	399.801.858	547.108.178
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(234.534.923)	(167.027.118)
IV. Hàng tồn kho	140	11	36.750.134.293	36.001.487.820
1. Hàng tồn kho	141		37.593.927.183	37.174.243.354
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(843.792.890)	(1.172.755.534)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.448.873.986	1.910.696.512
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.409.207.466	1.837.125.925
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	39.666.520	73.570.587
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			48.846.910.944	51.697.546.782
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.000.000	11.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	11.000.000
II. Tài sản cố định	220		37.336.175.660	38.330.872.516
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	37.171.722.879	38.327.678.061
- Nguyên giá	222		66.721.741.992	64.058.013.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.550.019.113)	(25.730.335.477)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	164.452.781	3.194.455
- Nguyên giá	228		249.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(84.547.219)	(26.805.545)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		400.000.000	940.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	400.000.000	940.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		490.000.000	490.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.608.735.284	11.925.674.266
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	10.603.684.778	11.908.502.548
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.050.506	17.171.718
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		159.312.350.040	155.301.518.419

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. Nợ phải trả	300		41.060.056.258	41.264.859.333
I. Nợ ngắn hạn	310		41.038.056.258	41.264.859.333
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	11.620.519.785	13.515.264.638
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		342.298.066	915.539.854
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	1.031.924.199	697.068.518
4. Phải trả người lao động	314		14.979.747.123	15.435.220.486
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.088.741.306	2.723.344.864
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.844.530.000	1.465.675.080
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	648.087.944	717.239.995
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.482.207.835	5.795.505.898
II Nợ dài hạn	330		22.000.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		22.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.252.293.782	114.036.659.086
I. Vốn chủ sở hữu	410		118.252.293.782	114.036.659.086
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	6.538.767.315	6.538.767.315
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	30.641.162.779	26.474.012.931
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	7.758.986.977	7.710.502.129
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		345.313.129	324.428.281
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.413.673.848	7.386.073.848
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	21	2.896.380.487	2.896.380.487
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		159.312.350.040	155.301.518.419



Trần Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	412.609.736.951	388.723.208.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.776.500.049	3.816.551.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		409.833.236.902	384.906.657.318
4. Giá vốn hàng bán	11	25	319.582.279.250	298.946.985.328
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		90.250.957.652	85.959.671.990
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	838.405.787	774.501.486
7. Chi phí tài chính	22	27	561.634.250	1.050.648.007
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		77.559.346	520.670.699
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	28.a	32.329.104.347	29.428.515.254
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	41.164.440.978	38.231.104.545
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.034.183.864	18.023.905.670
12. Thu nhập khác	31	29	720.913.812	1.046.355.184
13. Chi phí khác	32		4.695.661	7.154.318
14. Lợi nhuận khác	40		716.218.151	1.039.200.866
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.750.402.015	19.063.106.536
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.852.277.102	1.960.902.394
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.121.212	12.121.212
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		15.886.003.701	17.090.082.930
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		15.472.731.115	16.547.679.899
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		413.272.586	542.403.031
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.044	2.166
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.044	2.166



Tà Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.750.402.015	19.063.106.536
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	3.877.425.310	4.044.563.132
- Các khoản dự phòng	03		(261.454.839)	(398.388.876)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		49.032	55.597
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(554.667.637)	(830.099.468)
- Chi phí lãi vay	06		77.559.346	520.670.699
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		20.889.313.227	22.399.907.620
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.592.257.239	(5.176.653.270)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(419.683.829)	4.536.591.281
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.869.495.012)	(74.889.126)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	1.732.736.229	362.108.435
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.559.346)	(520.670.699)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.816.373.035)	(1.975.445.976)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		172.580.656	97.040.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.420.558.724)	(2.429.051.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.783.217.405	17.218.936.543
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13,14,15	(2.535.412.554)	(2.525.188.673)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	598.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(126.903.272)	(115.569.569)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		546.069.337	500.039.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.116.246.489)	(1.541.809.220)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.931.546.421	40.538.164.900
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.931.546.421)	(40.538.164.900)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19;20	(7.757.699.000)	(7.766.239.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.757.699.000)	(7.766.239.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.909.271.916	7.910.888.323
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	22.409.903.318	14.499.070.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(49.032)	(55.597)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	35.319.126.202	22.409.903.318



Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 157/2020/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 03/03/2019 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2019 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Nguyễn Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Phạm Thị Tươi – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3669-2016-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.976.413.813	96.850.182.062
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	32.606.762.436	20.228.313.020
1. Tiền	111		10.449.493.826	6.046.284.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.157.268.610	14.182.028.903
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.264.355.050	39.646.930.689
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	33.059.561.024	39.587.164.390
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	367.473.100	165.925.010
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	71.855.849	60.868.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(234.534.923)	(167.027.118)
IV. Hàng tồn kho	140	10	36.555.687.942	35.721.859.122
1. Hàng tồn kho	141		37.399.480.832	36.894.614.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(843.792.890)	(1.172.755.534)*
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		549.608.385	1.253.079.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16.a	475.790.611	1.104.852.980
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	73.817.774	148.226.251
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.311.555.054	52.396.688.509
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.000.000	11.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	11.000.000
II. Tài sản cố định	220		29.553.417.636	30.117.051.416
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.388.964.855	30.113.856.961
- Nguyên giá	222		57.012.124.223	54.348.395.769
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.623.159.368)	(24.234.538.808)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	164.452.781	3.194.455
- Nguyên giá	228		249.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(84.547.219)	(26.805.545)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	7.032.611.351	7.302.928.715
- Nguyên giá	231		7.974.362.168	7.974.362.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(941.750.817)	(671.433.453)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		400.000.000	940.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	400.000.000	940.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.250.000.000	3.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	2.760.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.063.526.067	10.775.708.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16.b	10.063.526.067	10.775.708.378
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		153.287.968.867	149.246.870.571

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.388.294.902	38.514.346.454
I. Nợ ngắn hạn	310		38.366.294.902	38.514.346.454
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	11.300.119.045	13.206.235.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		305.287.216	857.780.104
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	829.737.484	463.784.036
4. Phải trả người lao động	314		14.971.199.303	15.435.220.486
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.088.741.306	2.626.912.864
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	483.670.157	492.917.557
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.387.540.391	5.431.495.509
II. Nợ dài hạn	330		22.000.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		22.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.899.673.965	110.732.524.117
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	114.899.673.965	110.732.524.117
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	6.476.325.962	6.476.325.962
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	30.641.162.779	26.474.012.931
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	7.365.189.000	7.365.189.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.365.189.000	7.365.189.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		153.287.968.867	149.246.870.571



Tư Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	392.177.333.628	369.548.623.952
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.740.624.049	3.746.378.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		389.436.709.579	365.802.245.392
4. Giá vốn hàng bán	11	25	306.530.347.301	286.595.914.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>82.906.362.278</u>	<u>79.206.330.417</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.090.143.711	1.077.800.713
7. Chi phí tài chính	22	27	561.634.250	1.050.648.007
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		77.559.346	520.670.699
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	32.329.104.347	29.428.515.254
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	34.304.961.398	31.989.789.671
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>16.800.805.994</u>	<u>17.815.178.198</u>
11. Thu nhập khác	31	29	285.900.178	347.178.313
12. Chi phí khác	32		1.195.661	154.318
13. Lợi nhuận khác	40		<u>284.704.517</u>	<u>347.023.995</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>17.085.510.511</u>	<u>18.162.202.193</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.709.058.713	1.827.493.121
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>15.376.451.798</u>	<u>16.334.709.072</u>



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.085.510.511	18.162.202.193
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.716.679.598	3.802.910.990
- Các khoản dự phòng	03		(261.454.839)	(142.543.876)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		49.032	55.597
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(806.405.561)	(969.810.954)
- Chi phí lãi vay	06	27	77.559.346	520.670.699
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		19.811.938.087	21.373.484.649
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.513.317.316	(5.392.841.372)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10	(504.866.176)	4.618.943.588
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.060.086.434)	504.369.515
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	16	1.341.244.680	(297.330.825)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.559.346)	(520.670.699)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(1.634.650.236)	(1.863.913.459)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		172.580.656	97.040.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.060.648.724)	(2.190.340.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.501.269.823	16.328.741.154
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.535.412.554)	(2.525.188.673)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	198.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		799.840.179	819.778.591
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.735.572.375)	(1.506.500.991)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.931.546.421	40.538.164.900
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.931.546.421)	(40.538.164.900)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.387.199.000)	(7.371.039.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.387.199.000)	(7.371.039.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.378.498.448	7.451.201.163
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	20.228.313.020	12.777.167.454
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(49.032)	(55.597)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	32.606.762.436	20.228.313.020



Tổng Giám đốc

Lưu Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG
(Tại Đại hội đồng Cổ đông ngày 19/06/2020)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát.
4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019:

Các nội dung chính về kết quả kinh doanh hợp nhất của công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh năm 2019:

- Doanh thu, thu nhập : 411.392.556.501 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 17.750.402.015 đồng.
- Chi phí thuế TNDN : 1.864.398.314 đồng.

5. Phân phối lợi nhuận của công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	BCTC năm 2019
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN kỳ trước chuyển sang	0
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2019	15.376.451.798
3	Cộng lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối	15.376.451.798
4	Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN:	
	4.1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20% Lợi nhuận sau thuế
	4.2 Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5% Lợi nhuận sau thuế
	4.3 Chia cổ tức cho cổ đông	13% mệnh giá (1.300 đồng/cổ phiếu).
	4.4 Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức.

6. Chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020:

6.1 Chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2019 là 5% lợi nhuận sau thuế tạm tính (tương ứng với số tiền là: 804.000.000 đồng).

6.2 Chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2020:

Tương tự năm 2019, khoản thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký từ 3% đến 5% lợi nhuận sau thuế theo tạm tính, tùy theo mức độ hiệu quả đạt được. Đây là khoản tạm tính làm cơ sở để tính chi phí hợp lý hợp lệ trong năm của Công ty và sau đó xác định lại kết quả kinh doanh cuối cùng.

7. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

+ Doanh thu, thu nhập : 397.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế TNDN : 17.500.000.000 đồng.

+ Cổ tức: 13%/mệnh giá, tức 1.300 đồng/ cổ phiếu.

8. Chọn kiểm toán năm 2020:

Đề nghị ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào trình độ, năng lực của đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các công ty niêm yết do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận; chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

9. Duyệt đơn giá tiền lương năm 2020:

Đề nghị ủy quyền HĐQT công ty duyệt đơn giá tiền lương của công ty mẹ năm 2020: đảm bảo các chỉ tiêu về lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức và không thấp hơn đơn giá tiền lương của năm 2019.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chí Bình

STT	CHỈ TIÊU	BCTC năm 2019
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN kỳ trước chuyển sang	0
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2019	12.376.451.798
3	Chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2019	12.376.451.798
4	Phần phối lợi nhuận sau thuế TNDN	
4.1	Quy kiến thưởng, phúc lợi	30% Lợi nhuận sau thuế
4.2	Quy kiến lương Ban điều hành	3% Lợi nhuận sau thuế
4.3	Chi trả cổ tức cho cổ đông	13% mệnh giá (1.300 đồng/cổ phiếu)
4.4	Quy định từ phát triển	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức